



30/12/20

**DAILY** MORNING

**VN-Index áp sát 1100 điểm**



|                   | 30/12    | % Sáng<br>30/12 | 29/12    | % Ngày<br>29/12 | % Tuần | % Tháng |
|-------------------|----------|-----------------|----------|-----------------|--------|---------|
| VN INDEX          |          |                 | 1,099.49 | 0.75%           | 1.48%  | 8.84%   |
| S&P 500           |          |                 | 3,727.04 | -0.22%          | 0.87%  | 2.68%   |
| S&P500<br>Futures | 3,719.75 | -0.01%          | 3,720.00 | -0.20%          | 1.16%  | 2.53%   |
| Shanghai          |          |                 | 3,397.29 | -0.54%          | 0.66%  | -0.86%  |
| Euro Stoxx        |          |                 | 3,581.37 | 0.17%           | 3.85%  | 2.01%   |



Nguồn: Bloomberg, BSC

| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | PTKT                                                                                                      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Lãnh đạo đảng Cộng Hòa tại Thượng viện Mỹ hoãn bỏ phiếu về việc nâng số tiền phúc lợi cho công dân nước này từ 600 USD lên 2,000 USD theo gói hỗ trợ 900 tỷ USD.</li> <li>FED gia hạn thời điểm kết thúc Main Street Lending Program tới 8/1. Tới 23/12, chỉ có 14.59 tỷ USD được vay bởi các công ty vừa và nhỏ.</li> <li>9/11 ngành cấp 1 thuộc S&amp;P500 giảm điểm. Những ngành tích cực nhất là: Chăm sóc sức khỏe (+0.44%), Tiêu dùng không thiết yếu (+0.22%). Những ngành tiêu cực nhất là: Bất động sản (-0.71%), Công nghiệp (-0.67%), Năng lượng (-0.66%).</li> </ul> | <p>S&amp;P 500</p> <p>Xu hướng Tăng</p> <p>Kháng cự 3800</p> <p>Hỗ trợ 3150</p> <p>Điểm PTKT TÍCH CỰC</p> |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <p>SHComp</p> <p>Xu hướng Tích lũy</p> <p>Kháng cự 3500</p> <p>Hỗ trợ 3000</p> <p>Điểm PTKT TRUNG LẬP</p> |

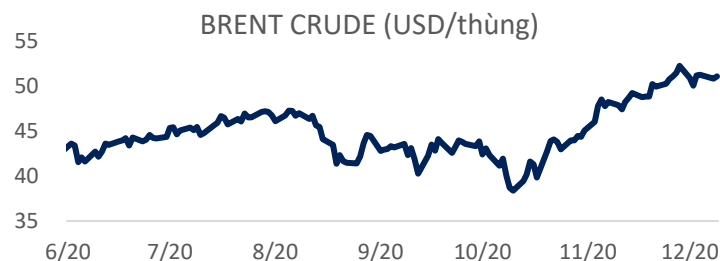


Nguồn: Bloomberg, BSC

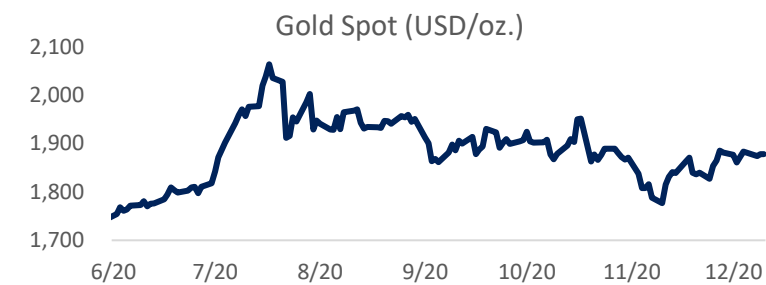
# Hầu hết hàng hóa tăng điểm

| Mặt hàng     | Đơn vị   | 30/12    | % Sáng 30/12 | 29/12   | % 29/12 | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|--------------|---------|---------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 48.13    | 0.27%        | 48.00   | 0.80%   | 2.36%  | 5.23%   | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. | 51.09    | 0.45%        | 50.86   | -0.84%  | 0.35%  | 6.91%   | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| GASOLINE     | USd/gal. | 139.19   | 0.29%        | 138.79  | 1.48%   | 3.91%  | 0.10    | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,878.23 | 0.00%        | 1878.18 | 0.24%   | 0.93%  | 5.06%   | PNJ                | PNJ                |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 26.15    | -0.23%       | 26.21   | -0.13%  | 3.83%  | 15.85%  | PNJ                | PNJ                |
| SOYBEAN      | USd/bu.  | 1,296.00 | 3.08%        | 1257.25 | 0.00%   | 3.89%  | 9.30%   | HKB                | DBC, QNS           |
| WHEAT        | USd/bu.  | 618.50   | 0.69%        | 614.25  | 0.00%   | 1.19%  | 3.69%   |                    | AFX                |
| MILK         | USD/cwt  |          |              | 16.26   | -0.97%  | 4.03%  | 1.50%   | KDC                | VNM, GTN, QNS      |
| RUBBER       | JPY/kg   | 229.50   | -1.59%       | 233.20  | 1.39%   | 0.00%  | -8.24%  | SRC, CSM, DRC      | DPR, PHR, HAG, HNG |
| SUGAR        | USd/lb.  |          |              | 15.04   | 0.40%   | 3.51%  | 1.83%   | SBT, LSS, SLS, QNS | VNM, GTN, QNS      |
| COFFEE       | USd/lb.  |          |              | 125.40  | 1.66%   | 0.88%  | 7.04%   | CTP, DLG           | VCF, CTP           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |              | 7859.50 | 0.92%   | -1.57% | 7.66%   | MSN, ACM, BGM      | CAV, SAM, TGP, VTH |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 4,243.00 | -1.33%       | 4300.00 | 0.61%   | -1.07% | 13.02%  | PC1, CTD, HBC      | HSG, HPG, NKG      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |              | 1991.00 | -1.92%  | -3.19% | 1.07%   | CAV, SAM, TGP, VTH |                    |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 966.50   | -5.20%       | 1019.50 | -1.59%  | -5.85% | 15.06%  | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |              | 84.20   | -1.35%  | -0.59% | 20.37%  | HT1, BCC, PPC, POW | HLC, NBC, TNT, THT |

Ghi chú: USd = US Cent



Nguồn: Bloomberg, BSC

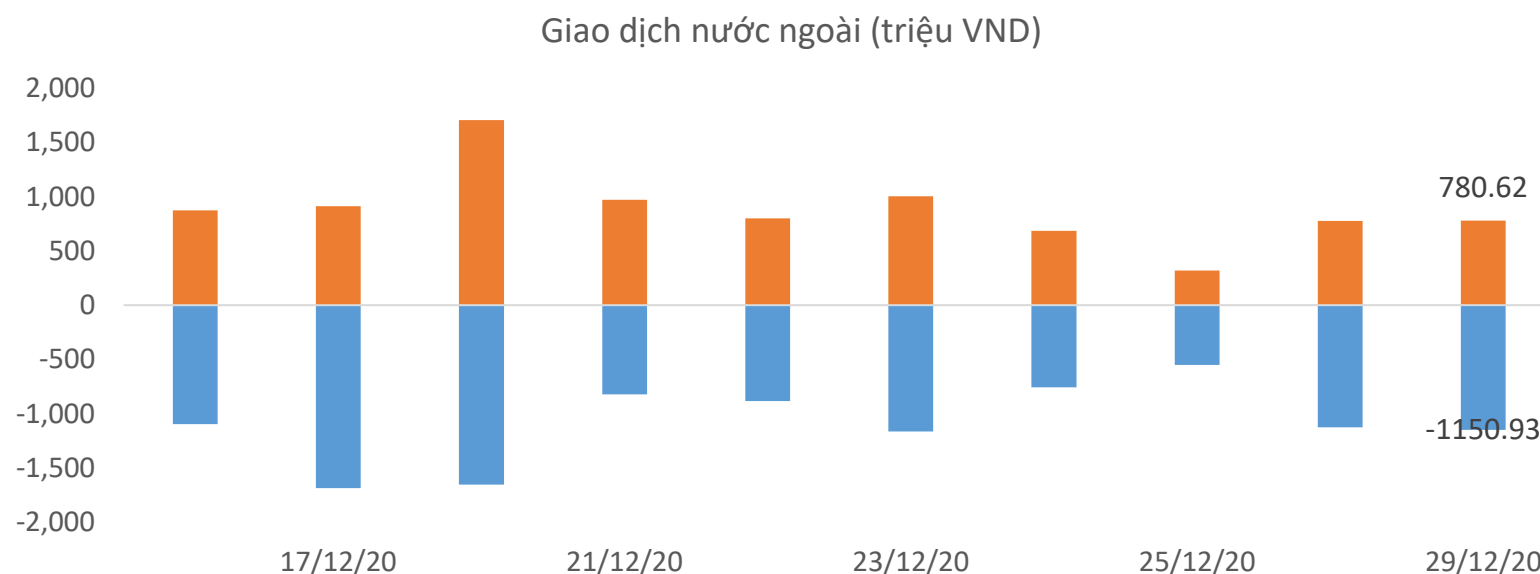


Nguồn: Bloomberg, BSC

# ETF Diamond duy trì chuỗi tăng quy mô 12 phiên

| ETF       | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |      |      |      | Nhận định                                      |
|-----------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|------|------|------|------------------------------------------------|
|           |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W   | 1M   | 3M   |                                                |
| iShare    | 415.4            | 28.6            | 0.0                | 0.0          | 0.0                       | 0.0  | 0.0  | 0.0  | 0.0 ETF Diamond tăng quy mô. Các ETFs khác cân |
| E1VFN30   | 320.5            | 0.8             | 0.0                | 0.5%         | 0.0                       | 1.1  | 0.6  | -2.3 | bằng và duy trì quy mô hiện tại.               |
| FUEVFN30  | 221.4            | 0.7             | 4.7                | 0.5%         | 3.4                       | 10.0 | 75.8 | 89.3 | Khối ngoại mua bán trái chiều trong khu vực.   |
| FUESSVFL  | 46.9             | 0.6             | 0.0                | 0.9%         | 0.0                       | 0.0  | -0.7 | 0.9  | Họ bán ròng tại hầu hết thị trường, ngoại trừ  |
| FUESSVN30 | 2.8              | 0.6             | 0.00               | 0.3%         | 0.0                       | 0.0  | 0.0  | -0.4 | thị trường Indian, Philippines và Thailand.    |
| FUEMAVN30 | 8.9              | 0.5             | 0.00               | 0.6%         | 0.0                       | 0.3  |      |      |                                                |
| VN100     | 3.6              | 0.6             | 0.0                | 0.7%         | 0.0                       | 0.0  | 0.1  | -0.1 |                                                |
| KIM       | 201.3            | 13.3            | 0.0                | -2.1%        | 0.0                       | -6.6 | -8.9 |      |                                                |
| PREMIA    | 24.8             | 10.7            | -                  | -0.9%        | -                         | -    | 0.6  | 0.6  |                                                |

| Khối ngoại<br>(tr. USD)                               | Ngày    | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------------------------------------|---------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                                              | -16.87  | -35.50                | -171.21                |
| ASEAN4*                                               | 157.36  | 163.36                | -263.11                |
| Ấn Độ                                                 | 231.24  | 231.24                | 6613.49                |
| Đài Loan                                              | -63.64  | 429.92                | 1126.01                |
| Hàn Quốc                                              | -181.33 | 145.12                | -781.74                |
| Nhật Bản                                              |         | (4,881.90)            | -2940.80               |
| Trung Quốc                                            |         |                       | -16562.35              |
| Ghi chú: * Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia |         |                       |                        |
| Credit Default Swap                                   |         | MoM %                 |                        |
| Việt Nam                                              |         | -6.60                 |                        |
| Thái Lan                                              |         | -4.04                 |                        |
| Singapore                                             |         | -6.60                 |                        |
| Phillippines                                          |         | 12.90                 |                        |
| Malaysia                                              |         | 16.57                 |                        |



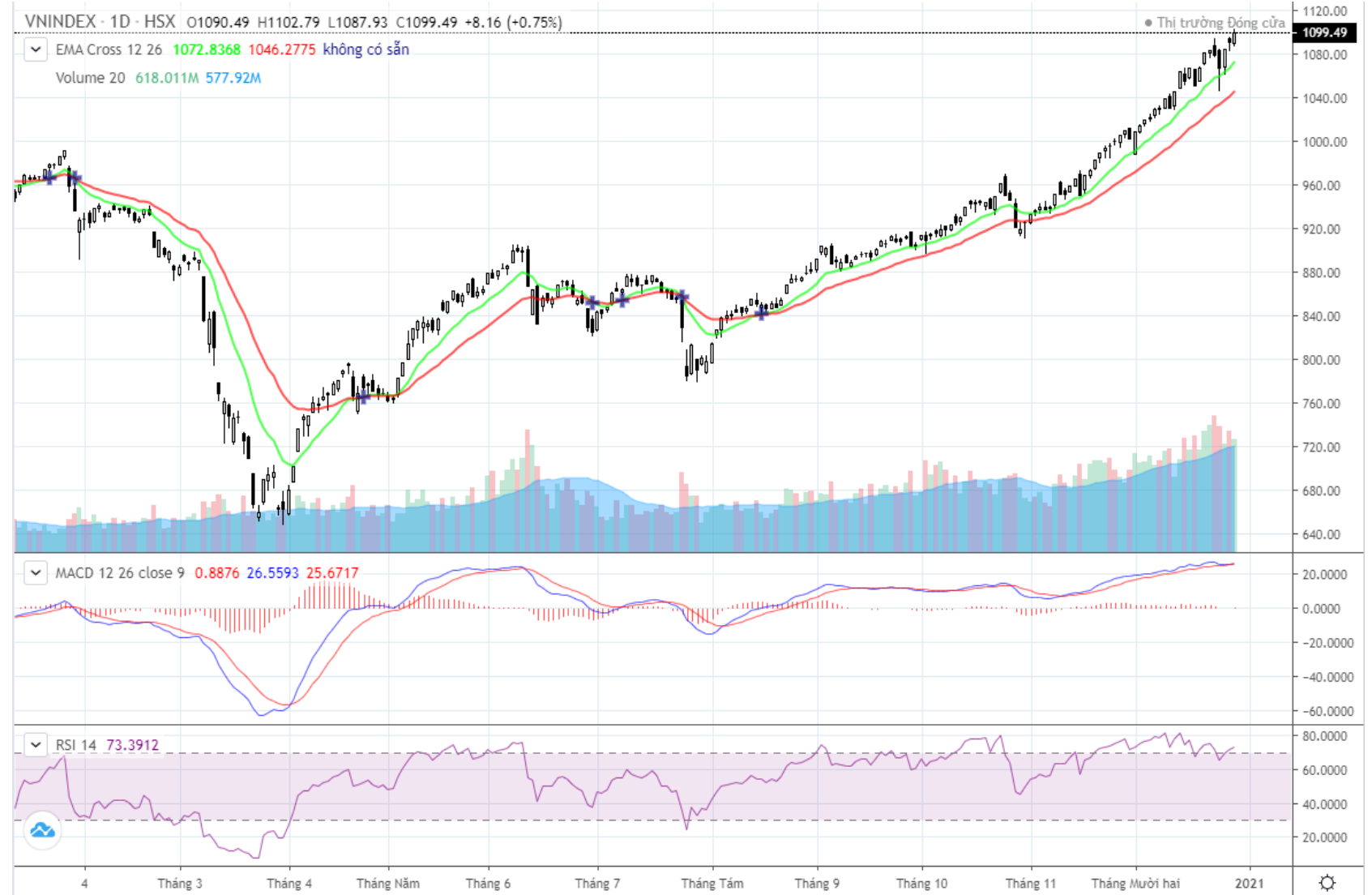
Nguồn: Fiinpro, BSC

## Tin vĩ mô

- Theo Bộ KH&ĐT, FDI đăng ký đạt 28.53 tỷ USD, giảm 25% YoY, FDI thực hiện đạt 19.98 tỷ USD, giảm 2% YoY.
- Thủ tướng thông qua đề xuất không tiếp tục gia hạn giảm 50% phí trước bạ ô tô sản xuất trong nước.
- Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội cho biết thành phố phấn đấu GRDP tăng 7.5% vào 2021.
- Việt Nam và Anh hoàn tất ký kết hiệp định UKVFTA, bắt đầu có hiệu lực từ 31/12.
- Theo đại diện Bộ Tài chính, bội chi ngân sách năm 2020 ước bằng 4.1-4.2% GDP, thấp hơn so với dự báo 4.99% GDP. Tỷ lệ nợ công ước bằng 55-56% GDP.
- Theo đại diện NHNN, cơ quan này tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí, giảm chỉ tiêu lợi nhuận để có điều kiện giảm lãi suất cho vay, mở rộng tín dụng đi đôi với an toàn, hiệu quả, trong năm 2021.

## Thông số kỹ thuật

|          |           |
|----------|-----------|
| Xu hướng | Tăng      |
| Chỉ báo  | Trung lập |
| Kháng cự | 1100      |
| Hỗ trợ   | 1050      |



Nguồn: FireAnt, BSC

- PHR: Năm nay, công ty ước tính tiêu thụ được 31.500 tấn mủ thành phẩm với giá bán bình quân 33,21 triệu đồng/tấn. Công ty mẹ đạt tổng doanh thu 2.244 tỷ đồng, tăng 39% so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế ước đạt 1.149 tỷ đồng, tăng 115% so với năm trước.
- DRL: Ước doanh thu và lãi sau thuế năm 2020 đạt hơn 99 tỷ đồng (tăng 10%) và gần 58 tỷ đồng (tăng 4% so với thực hiện năm trước). So với kế hoạch năm, DRL đã vượt 15% kế hoạch doanh thu và vượt 28% kế hoạch lợi nhuận năm 2020. Trong năm 2021, DRL dự kiến mang về hơn 91 tỷ đồng doanh thu và gần 49 tỷ đồng lãi sau thuế, lần lượt giảm 8% và 16% so với con số ước thực hiện năm 2020.
- MSB: Đã ra Nghị quyết về việc chuyển nhượng toàn bộ giá trị phần vốn góp của MSB tại Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản MSB AMC.
- PGI: Đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021 với chỉ tiêu doanh thu bảo hiểm gốc 3.542 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 202 tỷ đồng, cổ tức 12%.
- HDC: Thông báo, bắt đầu bán toàn bộ hơn 640.000 cổ phiếu quỹ hiện có từ ngày 07/2/2021 đến 05/2/2021 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh.
- C47: Ngày 05/1/2021 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2019 và cổ phiếu thưởng, ngày đăng ký cuối cùng là 06/1/2021. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 3%, cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 7%.
- GMD: Thông báo, phát hành hơn 4,45 triệu cổ phiếu ESOP với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện trong tháng 12/2020.
- THG: Ngày 30/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 31/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 13/1/2021.
- NTL: Ngày 13/1/2021 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 14/1/2021. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 27/1/2021.
- VCS: Đại hội đồng cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản của Công ty đã thông qua phương án chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn cổ phiếu quỹ, tương ứng 4,8 triệu cổ phiếu theo tỷ lệ 100:3,09.
- QHD: Ngày 05/1/2021 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 06/1/2021. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 26/1/2021.
- SZC: Đã thông qua quyết định phát hành trái phiếu riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Tổng giá trị phát hành là 500 tỷ đồng. Trái phiếu có kỳ hạn 5 năm.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*

<

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Phân tích chỉ tiêu định giá</b><br>Cổ phiếu có PE hiện tại 11.7 thấp hơn trung bình ngành ; thấp hơn trung bình thị trườngPB hiện tại 1.04 thấp hơn trung bình ngành ; thấp hơn trung bình thị trường .Bên cạnh đó , PE năm trước 15.22 .PE ngành 38.33, PB ngành 2.39. PE thị trường 24.41, PB thị trường 1.07 | <b>Phân tích chỉ tiêu định giá</b><br>PB hiện tại 2.4 cao hơn trung bình ngành ; cao hơn trung bình thị trường .Bên cạnh đó , PE năm trước 42.99 .PE ngành 18.97, PB ngành 1.34. PE thị trường 24.41, PB thị trường 1.07                                                                                                 |
| <b>Phân tích chỉ tiêu tăng trưởng</b><br>Doanh thu 12 tháng gần nhất là 403.76 tỷ đồng , tăng trưởng 32.27 %.Lợi nhuận sau thuế 12 tháng gần nhất là 20.09 tỷ đồng , tăng trưởng 38.73 %.Tăng trưởng doanh thu 3 năm đạt 50.9 %.Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm đạt 130.08 %.                                          | <b>Phân tích chỉ tiêu tăng trưởng</b><br>Chỉ tiêu ROA(lợi nhuận trên tổng tài sản) hiện tại là 3.32 % ROA trung bình 3 năm của công ty là -4.43 % .Chỉ tiêu ROE(lợi nhuận trên vốn chủ) hiện tại là 55.65 %. ROE trung bình 3 năm của công ty là -226.63 % . Biên lợi nhuận gộp trung bình 3 năm của công ty là 1.72 % . |

Nguồn: FireAnt, BSC i-Broker

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)

(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)

(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)

(+84)2437173639